TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HC-PT
Ngày: 26-6-2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường.**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26-6-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 134/2020/TLPT-HC ngày 17-02-2020 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1049/2020/QĐ-PT ngày 04-6-2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Huỳnh Thị Tuyết M**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Số 12, Đường T1, Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Bùi Tiến T**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 12, Đường T1, Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên (Giấy ủy quyền ngày 13-5-2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch UBND huyện T2, tỉnh Phú Yên.

2. Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Phạm Ngọc Th** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T2 (Giấy ủy quyền số 37/GUQ-CT và số 38/GUQ-CT ngày 01-7-2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; địa chỉ cơ quan: Số 07, Độc lập, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân thị trấn C, huyện T2.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn: Ông Võ Tấn M- Công chức địa chính, vắng mặt.

3. Ông Trần D, sinh năm 1925.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần D:

- Ông Trần Đức D1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Ông Trần Sinh L1, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Xóm Ga, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Ông Trần Đức Ph, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Thôn P1, xã H1, huyện Đ1, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S1: Ông Trần Khắc Tr, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

5. Ông Bùi Tiến T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 12, Đường T1, Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

6. Bà Bùi Huỳnh Mục L3, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

7. Ông Bùi Nhựt P1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Quận T3, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ly, ông Phong: Ông Bùi Tiến T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 12, Đường T1, Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Năm 1981, gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Bùi Trung T4 được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T2, tỉnh Phú Yên cấp đổi đất xây dựng nhà ở (tại số 12, Đường T1, khu phố L, thị trấn C, huyện T2) và sinh sống từ đó đến nay. Khoảng cuối năm 1982, gia đình bà M có phát hoang bụi rậm, cải tạo một thửa đất có diện tích khoảng 96 m^2 trồng cây bạch đàn, sử dụng ổn định, liên tục. Liền kề với hàng rào cây xanh phía Đông của diện tích 96 m^2 đất mà gia đình bà M đang sử dụng là diện

tích 312,62 m^2 đất ông Trần D và bà Hoàng Thị S1. Năm 2005, ông Trần D, bà Hoàng Thị S1 sử dụng đất vi phạm pháp luật nên bị UBND huyện T2 thu hồi diện tích đất 312,62 m^2 và giao cho UBND thị trấn C quản lý (Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05-9-2005).

Năm 2015, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 quy hoạch khép kín khu dân cư, nên lấy diện tích 96 m^2 đất của gia đình bà M và diện tích 312,62 m^2 đất do UBND thị trấn C quản lý để phân lô chi tiết, dự kiến sẽ giao cho 04 hộ dân khác sử dụng mà không đặt vấn đề bồi thường về đất đối với gia đình bà, nên bà M nhiều lần khiếu nại đến UBND huyện T2 và yêu cầu xem xét công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96 m^2 đất này. Tuy nhiên, UBND huyện T2 cố tình gây khó khăn, trả lời cho bà M nhiều lần nhưng không đúng pháp luật.

Ngày 03-7-2018, bà M tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T2. Ngày 08-10-2018, Chủ tịch UBND huyện T2 có Quyết định số 1836/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, không công nhận quyền sử dụng diện tích 96 m^2 đất mà bà M đang sử dụng, chỉ công nhận những cây bạch đàn trồng trên đất. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08-10-2018 của Chủ tịch UBND huyện T2; Công văn số 246/UBND ngày 11-9-2017 của Chủ tịch UBND huyện T2; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29-6-2018 của UBND huyện T2 và Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 của UBND huyện T2.

- Buộc UBND huyện T2 công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96 m^2 tại Khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T2 và UBND huyện T2 trình bày:

Ngày 16-02-1995, UBND thị trấn C có Biên bản giải quyết về việc tranh chấp đất trồng cây bạch đàn giữa ông Trần D và ông Bùi Trung T4 (chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M, nay ông Tâm đã chết), hai bên đều thừa nhận việc trồng cây của ông Tâm trên đường đã vi phạm Thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị, ông Tâm thừa nhận, từ đó UBND thị trấn C kết luận: *"Cần giữ tình đoàn kết hài hòa lợi ích đôi bên đạt lý thấu tình, trong đó ông Tâm được tiếp tục sử dụng cây đang trồng, không được trồng thêm và khi chặt cây không được trồng lại; ông D muốn chuyển mục đích sử dụng đất đang trồng cây để cất nhà thì phải xin phép"*.

Ngày 26-3-2005, ông Trần có đơn khiếu nại Quyết định số 144/QĐ-UB ngày 03-3-2005 của UBND huyện T2 về việc thu hồi diện tích 22,5 m^2 đất do ông khai hoang để mở đường đi cho ông Nguyễn Tấn Sanh. Sau khi thu lý giải quyết, Chủ tịch UBND huyện T2 ra Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D (lần đầu), với nội dung: *"Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 26-3-2005 của ông Trần D; Giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND thị trấn C lập thủ tục thu hồi diện tích hiện nay ông Trần D đổ đất nâng mặt bằng ở thửa số 57, diện tích 410 m^2 đúng quy định của pháp luật; Giao UBND thị trấn C tiến hành kiểm điểm nghiêm đối với ông Lê Văn D1, nguyên Chủ tịch UBND thị trấn C đã ký xác nhận việc sử dụng đất của ông Trần D để hợp thức hóa giấy tờ cho ông D là việc làm thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai"*.

Ngày 19-8-2005, ông Trần D gửi đơn đến UBND tỉnh Phú Yên, khiếu nại Quyết

định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 của Chủ tịch UBND huyện T2. Ngày 13-02-2006, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D (lần 2), với nội dung: *Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19-8-2005 của ông Trần D về việc khiếu nại Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 của Chủ tịch UBND huyện T2 vì không có cơ sở pháp luật; Công nhận nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 của Chủ tịch UBND huyện T2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D* (trong cùng thửa đất giải quyết khiếu nại theo các Quyết định nêu trên có phần diện tích đất mà bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu nại).

Diện tích đất khiếu nại đo đạc theo chỉ dẫn của gia đình bà M là 96 m^2; vị trí: Đông giáp đất UBND thị trấn C quản lý; Tây giáp đất hành lang đường T1; Nam giáp đất đường đi nội bộ; Bắc giáp suối. Hiện trạng trên khu đất bà M trồng 07 cây bạch đàn, một ngôi nhà tạm do ông Trần Khắc Tr xây dựng.

Hồ sơ địa chính: Theo bản đồ 299/TTg, tờ bản đồ số 07 và sổ dã ngoại lập năm 1994 là thuộc thửa đất số 74, diện tích 480 m^2, loại đất bạch đàn, không ghi chủ sử dụng đất; Bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997, thuộc thửa đất số 57, diện tích 410 m^2, loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý; bản đồ đo đạc chỉnh lý biến động, tờ bản đồ số 07 và sổ mục kê lập năm 2012, thuộc thửa đất số 87, diện tích 316,46 m^2 do UBND thị trấn C quản lý

Sau khi kiểm tra, phần diện tích đất 96 m^2 mà bà Huỳnh Thị Tuyết M khiếu nại yêu cầu các cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn nằm trong diện tích 410 m^2 mà Nhà nước đã giao cho UBND thị trấn C quản lý theo Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 của Chủ tịch UBND huyện T2 (lần đầu) và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13-02-2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (lần 2) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D, thường trú khu phố L, thị trấn C, huyện T2.

Ngày 05-9-2005, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 878/2005/QĐ- UBND về việc thu hồi đất đối với ông Trần D, với diện tích thu hồi là 312,62 m^2 (theo bản đồ địa chính năm 1997, tờ bản đồ số 06, thửa đất số 57, diện tích 410 m^2, loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý. Đo đạc tại thực địa chỉ còn 335,12m^2, gồm 22,5 m^2 UBND huyện T2 đã giao cho ông Sanh làm đường còn lại 312,62 m^2, trong đó có phần diện tích 96 m^2 bà M đang khiếu nại).

Tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13-02-2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên cũng đã xác định thửa đất số 57, diện tích 410 m^2, loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý (theo bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997). Đo đạc tại thực địa chỉ còn 335,12 m^2, gồm 22,5 m^2 UBND huyện T2 giao cho ông Sanh làm đường và 312,62 m^2 UBND huyện T2 đã thu hồi giao cho UBND thị trấn C quản lý tại Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05-9-2005.

Năm 2015, khu đất này do UBND thị trấn C quản lý đưa vào Dự án quy hoạch khép kín khu dân cư, UBND huyện T2 đã có Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 về việc thỏa thuận kiến trúc quy hoạch và phê duyệt bản đồ quy hoạch chi tiết phân lô dự án: Khép kín khu dân cu đô thị khu vực đường T1, khu phố L, thị trấn C, huyện T2; theo đó, phần diện tích 96 m^2 bà M khiếu nại nằm trong diện tích đã thu hồi của dự án.

Ngày 29-6-2018, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1244/QĐ-UBND về việc điều chỉnh ranh giới quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô dự án: Khép kín khu dân cư đô thị khu vực đường T1, khu phố L, thị trấn C, huyện T2; theo đó, phần diện tích 96 m^2 bà M khiếu nại nằm trong diện tích đã thu hồi.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như sau: Nguyên trước năm 1975, diện tích 96 m^2 đất bà Huỳnh Thị Tuyết M yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là một phần trong diện tích đất do chính quyền chế độ cũ sử dụng làm bãi tập kết đá dăm để làm đường. Sau năm 1975, một số hộ dân ở khu vực lân cận đến cải tạo và trồng hoa màu. Năm 1980, Trường THPT TP từ xã A chuyển về thị trấn C, UBND huyện T2 đã giao toàn bộ diện tích đất này cho Trường THPT TP để xây dựng cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, nhà trường chỉ xây dựng các phòng học ở khu phía Nam khu đất (như hiện trạng), còn phần diện tích phía Bắc (có diện tích đất ông Trần D khiếu nại vào năm 2005), Ban giám hiệu nhà trường xin phép UBND huyện T2 cho xây dựng nhà tập thể giáo viên. Khu tập thể có giới cận Đông giáp đất quy hoạch sân vận động; Tây giáp đường số 4 (nay là đường T1); Nam giáp đất trường xây dựng phòng học; Bắc giáp suối. Từ phía Nam khu đất có một con suối chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc cắt ngang qua khu đất nhà tập thể và đất quy hoạch Sân vận động huyện. Đến năm 1981, khi tiến hành san ủi sân vận động, UBND huyện T2 đã ủi mở con suối mới, nắn dòng chảy để con suối chạy dọc theo mặt dãy nhà khu tập thể giáo viên (nay dọc theo đường T1). Tại điểm giao nhau giữa con suối mới ủi với con suối phía Bắc khu đất, do bị vắt xéo nên tạo ra một phần đất diện tích 410 m^2 (diện tích đất ông Trần D khiếu nại vào năm 2005 và bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu nại hiện nay). Sau đó, gia đình ông Trần D và gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M tự ý đến diện tích đất này để phát dọn cây bụi trồng bạch đàn, diện tích đất ông D khiếu nại có giới cận: Đông và Nam giáp suối; Tây giáp đường số 4 (nay là đường T1); Bắc giáp suối, trong đó có phần diện tích đất gia đình bà M trồng cây bạch đàn là nằm trên ranh giới đất ông D phát dọn với đường đi (đường T1 hiện nay). Phần đất bà M đang khiếu nại chỉ là hàng cây bạch đàn đã trồng trước đây, không như diện tích 96 m^2 mà gia đình bà M đã chỉ dẫn đo đạc hiện nay để khiếu nại. Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại về đất đai thị trấn C kết luận phần diện tích đất bà M khiếu nại là đất quy hoạch của trường TP từ trước năm 1980, sau đó không sử dụng giao lại cho UBND thị trấn C quản lý theo các quyết định của UBND huyện và tỉnh là phù hợp quy định của pháp luật. Nội dung bà M khiếu nại là không có cơ sở và không đúng với thực tế. Phần diện tích đất này do UBND thị trấn C quản lý và đã bị thu hồi tại Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05-9-2005 về thu hồi đất đối với ông Trần D, với diện tích bị thu hồi là 312,62 m^2 (trong đó có phần diện tích 96 m^2 bà M đang khiếu nại).

Đối với phần tài sản có trên đất (cây bạch đàn) do gia đình bà Huỳnh Tuyết Mai trồng, thì bà M được quyền sử dụng.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08-10-2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Tuyết M, với nội dung *"Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Tuyết M, vì không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật. Phần tài sản có trên đất (cây bạch đàn) do gia đình bà M trồng, thì bà được quyền sử dụng. Giao trách nhiệm Chủ tịch UBND thị trấn C tiếp tục quản lý đất đai theo quy*

định của pháp luật" là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *UBND thị trấn C trình bày:* Thống nhất quan điểm của UBND huyện T2.

- *Bà Hoàng Thị S1 trình bày:*

Diện tích đất bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu kiện là một phần diện tích đất nằm trong thửa đất do chồng bà là ông Trần D khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay. Thửa đất đó hiện nay gia đình bà vẫn đang sử dụng ổn định, phía Tây giáp hành lang đường T1, khu phố L. Không có phần đất nào của gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M, vì trước đây vợ chồng bà M trồng cây bạch đàn trên hành lang đường T1. Thời điểm đó gia đình bà đã làm bờ rào sát hành lang đường T1 rồi.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần D trình bày:*

Nguyên diện tích đất 96 m^2 bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là do ông Trần D khai hoang năm 1980. Diện tích này nằm trong diện tích 312,62 m^2 mà UBND huyện T2 đã thu đất của vợ chồng ông Trần D, bà Hoàng Thị S1 theo Quyết định số 878/2005 /QĐ-UBND ngày 05-9-2005. Sau đó, ông Bùi Trung T4 (chồng của bà M) tự ý đến trồng cây bạch đàn trên diện tích đất này. Ngày 16-02-1995, UBND thị trấn C có lập biên bản giải quyết tranh chấp giữa ông Trần D với ông Bùi Trung T4. Theo biên bản thể hiện *"Việc trồng cây của ông Tâm trên mặt đường đã vi phạm thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị, ông Tâm thừa nhận", "Ông Bùi Trung T4 được tiếp tục sử dụng cây đang trồng không được trồng thêm. Khi chặt cây sử dụng thì không được trồng lại"*. Do đó, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 96 m^2 của bà Huỳnh Thị Tuyết M là không đúng.

Ông Bùi Tiến T, bà Bùi Huỳnh Mục L3 và ông Bùi Nhựt P1: Thống nhất quan điểm của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12-11-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348, 358 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08-10-2018 của Chủ tịch UBND huyện T2; Công văn số 246/UBND ngày 11-9-2017 của Chủ tịch UBND huyện T2; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29-6-2018 của UBND huyện T2 và Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 của UBND huyện T2.

- Buộc UBND huyện T2 công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96 m^2 khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định vè án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17-11-2019, ông Bùi Tiến T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên chấp nhận yêu cầu: "Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08-10-2018 của Chủ tịch UBND huyện T2; Công văn số 246/UBND ngày 11-9-2017 của Chủ tịch UBND huyện T2; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29-6-2018 của UBND huyện T2 và Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 của UBND huyện T2; buộc UBND huyện T2 công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96 m^2 tại Khu phố L, thị trấn Chí Thanh, huyện T2, tỉnh Phú Yên cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M" nên ngày 17-11-2019, ông Bùi Tiến T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy các quyết định của UBND và của Chủ tịch UBND huyện T2. Người bị kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện. Do các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là anh Nguyễn Thành Được, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận diện tích đất này có liên quan đến biên bản "Giải quyết về việc tranh chấp đất trồng cây bạch đàn giữa ông Trần D và ông Bùi Trung T4" do UBND thị trấn C lập ngày 16-02-1995.

Kết quả giải quyết tranh chấp đất thể hiện: Ông Bùi Trung T4 (là chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M) và ông Trần D đều thừa nhận việc trồng cây của ông Tâm trên mặt đường đã vi phạm Thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị. Ông Tâm được tiếp tục sử dụng cây đang trồng, không được trồng thêm và khi chặt cây không được trồng lại; ông Trần D muốn chuyển mục đích sử dụng đất đang trồng cây để cất nhà thì phải xin phép. Khi ông D được phép cất nhà trên đất, thì ông Tâm phải giải tỏa cây để chừa mặt tiền cửa nhà ở giáp đường nội thị (cấp 3 TP).

Đối chiếu bản đồ đo đạc qua các thời kỳ tại khu vực diện tích đất bà M đang khiếu kiện (do UBND thị trấn C cung cấp), thì phía Tây thửa đất số 57, bản đồ địa

chính năm 1997 (tương ứng thửa đất số 74, bản đồ đo đạc số 299, thửa số 87, bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2012) tiếp giáp với đường đi (nay là đường T1), không tồn tại một thửa đất nào khác. Như vậy, theo bản đồ 299/TTg, tờ bản đồ số 07 và sổ dã ngoại lập năm 1994, thì diện tích 96 m^2 bà M đang khiếu kiện nằm trong thửa đất số 74, diện tích 480 m^2, loại đất bạch đàn, không ghi chủ sử dụng đất; Bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997, thuộc thửa đất số 57, diện tích 410 m^2, loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý; bản đồ đo đạc chỉnh lý biến động, tờ bản đồ số 07 và sổ mục kê lập năm 2012, thuộc thửa đất số 87, diện tích 316,46 m^2 do UBND thị trấn C quản lý.

Xét thửa đất số 57, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính năm 1997: Theo sổ mục kê lập năm 1997, thì thửa đất số 57 có diện tích 410 m^2, loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý; đồng thời, thửa đất này đã bị UBND huyện T2 thu hồi theo Quyết định số 144/QĐ-UB ngày 03-3-2005, có nội dung: thu hồi diện tích 22,5 m^2 đất để mở đường đi cho ông Nguyễn Tấn Sanh và Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05-9-2005, có nội dung: thu hồi đất đối với ông Trần D, thường trú thôn L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên.

Tại Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05-9-2005 của UBND huyện T2 thể hiện diện tích thu hồi là 312,62 m^2, vị trí nằm phía Đông đường T1, phía Tây giáp hành lang đường và hàng bạch đàn của bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Mặc khác, trong quá trình UBND huyện T2 ban hành Quyết định thu hồi đất số 144/QĐ-UB ngày 03-3-2005, thì ông Trần D cũng đã có đơn khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện T2 và Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên giải quyết khiếu nại bằng hai Quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11-7-2005 của Chủ tịch UBND huyện T2 và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13-02-2006 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên). Theo đó, đều khẳng định thửa đất số 57, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính năm 1997 do Nhà nước quản lý.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định, việc bà Huỳnh Thị Tuyết M cho rằng tồn tại một phần diện tích đất 96 m^2 do gia đình bà khai hoang nằm giữa phần diện tích đất của ông Trần D (đã bị Nhà nước thu hồi vào năm 2005) và đường T1 để yêu cầu UBND huyện T2 công nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm "Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M" là có căn cứ.

Như vậy, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Tiến T đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Mặc dù, kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bà Huỳnh Thị Tuyết M là người cao tuổi, do đó người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Tiến T.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08-10-2018 của Chủ tịch UBND huyện T2; Công văn số 246/UBND ngày 11-9-2017 của Chủ tịch UBND huyện T2; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29-6-2018 của UBND huyện T2 và Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27-4-2015 của UBND huyện T2 và buộc UBND huyện T2 công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96 m^2 tại khu phố L, thị trấn C, huyện T2, tỉnh Phú Yên cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Tiến T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh phú Yên;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- UBND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường